

Số: 6125/QĐ-ĐHSP

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Cử nhân Giáo dục Mầm non

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP, ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT, ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH, ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo, về việc hướng dẫn hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH;

Căn cứ Quyết định số 4155/QĐ-ĐHSP, ngày 4 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành mẫu Bản mô tả chương trình đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng khoa Giáo dục Mầm non, Trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bản mô tả chương trình đào tạo Cử nhân Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Sư phạm.

Điều 2. Bản mô tả chương trình đào tạo là tài liệu cung cấp thông tin chi tiết về chương trình đào tạo Cử nhân Giáo dục Mầm non giúp người học, nhà tuyển dụng lao động và các bên liên quan khác hiểu về chương trình đào tạo; là tài liệu phục vụ cho hoạt động rà soát nội bộ và giám sát các hoạt động của chương trình đào tạo.

Điều 3. Trưởng khoa Giáo dục Mầm non, Trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: /

- Ban Giám hiệu (để c/đ);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu: VT, Khoa GDMN, KT&ĐBCLGD.



PGS.TS. Nguyễn Thị Tính

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỬ NHÂN GIÁO DỤC MẦM NON**

*(kèm theo Quyết định số 6125/QĐ-ĐHSP ngày 28/12/2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên)*

I. Mô tả chương trình đào tạo

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Cử nhân Giáo dục Mầm non được xây dựng và tổ chức đào tạo từ năm học 2003-2004, đến nay đã trải qua 5 lần điều chỉnh. Lần điều chỉnh năm 2018 nhằm mục đích phát triển, hoàn thiện chuẩn đầu ra, mục tiêu đào tạo, nội dung, hình thức, phương pháp và các yếu tố cơ bản khác nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn của xu thế hội nhập, phát triển cấp học mầm non; đáp ứng sự điều chỉnh chiến lược phát triển, sứ mạng và tầm nhìn và sự tham gia của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên trong lộ trình phát triển các chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn quốc gia; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên ngành giáo dục mầm non và thực hiện các nhiệm vụ đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam.

Chương trình đào tạo Cử nhân Giáo dục Mầm non được kế thừa từ chương trình đào tạo Cử nhân Giáo dục Mầm non Khoá 50 và được bổ sung, phát triển để đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục, đổi mới cấp học mầm non hiện nay. Tất cả các học phần thuộc chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt bởi các giảng viên của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.

Sinh viên học chương trình đào tạo Cử nhân Giáo dục Mầm non tại Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên được trang bị những kiến thức cơ bản, nền tảng, hiện đại và cập nhật về khoa học giáo dục mầm non để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực nghề nghiệp tốt; được giới thiệu giáo trình, sách chuyên khảo và tài liệu tham khảo tại Thư viện, các nguồn học liệu của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên và Trung tâm học liệu Đại học Thái Nguyên.

2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	GIÁO DỤC MẦM NON
Tên chương trình (tiếng Anh)	PRESCHOOL EDUCATION
Mã ngành đào tạo:	D7140201
Trường cấp bằng:	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Tên gọi văn bằng:	Cử nhân Giáo dục Mầm non/ Bachelor of Childhood Education
Trình độ đào tạo:	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu:	130
Hình thức đào tạo:	Chính quy tập trung
Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thang điểm đánh giá:	10
Điều kiện tốt nghiệp:	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo: 130 tín chỉ; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên; - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất; - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ; - Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin.
Vị trí việc làm:	Giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non, các trung tâm giáo dục mầm non; Chuyên viên về giáo dục mầm non tại các cơ quan quản lý giáo dục; Chuyên gia tư vấn, tham vấn về giáo dục mầm non; Nghiên cứu viên về giáo dục mầm non tại các cơ quan nghiên cứu giáo dục; Giảng viên tại các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo giáo viên mầm non.
Học tập nâng cao trình độ:	Học thạc sĩ và tiến sĩ chuyên ngành giáo dục mầm non và chuyên ngành gần của ngành giáo dục học mầm non ở trong và ngoài nước.
Chương trình tham khảo khi xây dựng:	Chương trình đào tạo ngành giáo dục mầm non của các trường: Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh; Chương trình đào tạo giáo viên mầm non của Trường Đại học quốc gia Đài Loan; của Trung Quốc, Hàn Quốc, Úc.
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT	Tháng 10/2018.

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân giáo dục mầm non có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức cơ bản, chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; có năng lực tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non, trung tâm giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo giáo viên mầm non; làm tư vấn viên, chuyên viên giáo dục mầm non tại cơ quan quản lý giáo dục và viện nghiên cứu; tự học, tham gia học tập ở các chương trình đào tạo sau đại học trong và ngoài nước; có năng lực ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

3.2. Mục tiêu cụ thể

M1: Vận dụng được hệ thống tri thức nền tảng của khoa học Mác-Lênin; tư tưởng, đạo đức và giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; kiến thức giáo dục quốc phòng và pháp luật Việt Nam trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

M2: Vận dụng được kiến thức cơ bản, toàn diện, chuyên sâu về tâm lý học mầm non, giáo dục học mầm non, lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục trẻ vào lập kế hoạch, tổ chức, giám sát các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục phát triển toàn diện trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non, trung tâm giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt.

M3: Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ; năng lực quản lý nhóm lớp; năng lực tư vấn, tham vấn giáo dục mầm non; năng lực nghiên cứu khoa học và phát triển chương trình giáo dục mầm non.

M4: Có năng lực tự học, trải nghiệm và thích ứng nghề nghiệp; năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện thay đổi; giám sát và hướng dẫn người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

M5: Đạt trình độ tin học IC³, ICDL, MOS hoặc tương đương; có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

M6: Đạt chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; sử dụng được ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường.

M7: Có năng lực giao tiếp, xây dựng các mối quan hệ hợp tác với đồng nghiệp, cấp trên, cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ và cộng đồng để nâng cao chất lượng hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ và bảo vệ quyền trẻ em.

M8: Thực hiện đúng các quy định của ngành và nhà trường về đạo đức nhà giáo trong mối quan hệ với trẻ, đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và các lực lượng xã hội; Tác phong làm việc chuẩn mực, chuyên nghiệp.

M9: Thực hiện đúng quyền dân chủ của bản thân theo quy chế dân chủ cơ sở trong nhà trường; Thực hiện đầy đủ các quy định đảm bảo quyền dân chủ của đồng nghiệp, cha/mẹ hoặc người giám hộ trẻ theo quy định.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

4.1. Kiến thức

** Kiến thức chung*

C1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; pháp luật Việt Nam, quốc phòng - an ninh trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

** Kiến thức chuyên môn*

C2: Hiểu và phân tích được kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về sinh lý học trẻ em; dinh dưỡng, vệ sinh và phòng bệnh; tâm lý học mầm non, giáo dục học và quản lý giáo dục mầm non; tư vấn và tham vấn giáo dục mầm non; văn học trẻ em và hình thành biểu tượng toán; mỹ thuật và âm nhạc cho trẻ mầm non.

C3: Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về tâm lý học mầm non, giáo dục học mầm non, lý luận và phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ mầm non vào lập kế hoạch hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục phát triển toàn diện nhân cách trẻ theo chương trình giáo dục mầm non.

C4: Hiểu được nhiệm vụ, quyền của hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên và trẻ theo Điều lệ trường mầm non.

4.2. Kỹ năng

** Kỹ năng chung*

C5: Giao tiếp có hiệu quả với trẻ em, đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và các bên liên quan khác.

C6: Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp.

C7: Đạt trình độ tin học IC3, ICDL, MOS hoặc tương đương và ứng dụng được trong hoạt động chuyên môn, giáo dục trẻ mầm non.

C8: Thực hiện được các hoạt động tự trải nghiệm nghề nghiệp để tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp và dẫn dắt người khác tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp.

** Kỹ năng chuyên môn*

C9: Phối hợp với đồng nghiệp và các lực lượng liên quan lập được kế hoạch, tổ chức hiệu quả hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em ở phạm vi nhóm/lớp theo chương trình giáo dục mầm non.

C10: Thực hiện được hoạt động tư vấn, hỗ trợ trẻ em, hỗ trợ đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và các tổ chức xã hội trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

C11: Lập kế hoạch, xây dựng các công cụ, thu thập và phân tích được dữ liệu đánh giá sự phát triển của trẻ để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ; đánh giá kết quả lao động sự phạm của bản thân và đồng nghiệp.

C12: Tổ chức được môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ; phát hiện và kịp thời thực hiện các biện pháp ngăn ngừa nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ.

C13: Thực hiện được nghiên cứu về khoa học giáo dục, nghiên cứu sự phạm ứng dụng trong giáo dục mầm non.

C14: Thực hiện đúng yêu cầu về quản lý nhóm lớp theo quy định; xử lý linh hoạt, hiệu quả các tình huống sự phạm.

4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

C15: Hiểu và thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường mầm non.

C16: Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết.

C17: Nhận thức được nhu cầu học tập của bản thân và có năng lực lập kế hoạch, thực hiện học tập suốt đời.

5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																
	Kiến thức chung	Kiến thức chuyên môn				Kĩ năng chung				Kĩ năng chuyên môn							Năng lực tự chủ và trách nhiệm
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17
M1	x			x										x	x	x	x
M2		x	x	x	x			x	x	x		x			x	x	x
M3				x	x					x	x	x	x	x		x	x
M4				x	x					x		x	x			x	x
M5			x		x		x									x	x
M6			x		x	x							x			x	x
M7		x	x	x				x		x		x				x	x
M8		x		x				x		x		x		x	x	x	x
M9		x		x				x		x				x	x	x	x

6. Phương pháp/chiến lược dạy – học và phương pháp kiểm tra đánh giá

6.1. Phương pháp/chiến lược dạy – học

6.1.1. Chuẩn bị của giảng viên

i) Hiểu rõ dạng lớp học đảm nhiệm (lớp học có lý thuyết hay thực hành; học phần bắt buộc, học phần tự chọn hay học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp).

ii) Xác định kiểu dạy học phù hợp (dạy học lớp - bài, dạy học trực tuyến hay kết hợp dạy học trực tuyến và lớp bài).

iii) Hiểu rõ sinh viên (sinh viên năm nhất, năm hai, năm ba hay năm cuối đại học).

iv) Hiểu rõ về các chính sách trong dạy học.

6.1.2. Phương pháp/Chiến lược dạy học

Mỗi học phần trong chương trình đào tạo có đặc thù riêng, mỗi người học có những đặc điểm cá nhân riêng trong quá trình học tập. Để thực hiện hiệu quả hoạt động đào tạo, giảng viên và sinh viên cần sử dụng phối hợp nhiều phương pháp/chiến lược dạy học trong đó, các phương pháp chính được sử dụng, gồm:

- Thuyết trình, thảo luận nhóm, thực tế chuyên môn (theo học phần), một số học phần được tổ chức đào tạo bằng hình thức e-learning (tiến tới mỗi học phần có ít nhất 01 tín chỉ e-learning).

- Mỗi học phần đều được tổ chức thực hiện dưới các loại giờ tín chỉ: Lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành, seminar, thực tế chuyên môn được thể hiện tại chương trình khung và kế hoạch dạy học của từng học phần trong chương trình đào tạo. Giờ bài tập, thực tế, thực tập chuyên môn, thực hành nghiên cứu được tổ chức tại giảng đường, cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Thái Nguyên và các tỉnh lân cận; Giờ thảo luận (cả lớp hoặc nhóm), thực hành được tiến hành tại giảng đường, phòng thực hành, thư viện.

6.1.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Lấy ý kiến phản hồi của sinh viên hàng năm về hoạt động dạy học;

- Bộ môn thực hiện dự giờ giảng viên theo học kỳ, tổ chức góp ý cho GV thực hiện giờ giảng;

- Với những học phần mới, tổ chức thảo luận ở bộ môn về nội dung và phương pháp dạy học, rút kinh nghiệm sau đó triển khai đào tạo trên sinh viên.

6.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá

(Xây dựng thang đánh giá Rubrics liên kết giữa đánh giá dạy - học gồm: Tiêu chí đánh giá về kiến thức, kỹ năng, năng lực; Mức độ thành tích đạt được; Mô tả việc đạt được các mức độ).

II. Mô tả chương trình dạy học (Curriculum)

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Loại học phần	Số tín chỉ
1.	Kiến thức chung, 24 tín chỉ	Bắt buộc	22
		Tự chọn	2
2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, 53 tín chỉ	Bắt buộc	45
		Tự chọn	8
3.	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm, 46 tín chỉ	Bắt buộc	44
		Tự chọn	2
4.	Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp, 7 tín chỉ	Bắt buộc	4
		Tự chọn	3
Tổng số			130

Khối Kiến thức chung có 17 học phần, gồm: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Pháp luật đại cương; Tiếng Anh 1; Tiếng Anh 2; Tiếng Anh 3; Giáo dục thể chất 1; Giáo dục thể chất 2; Giáo dục thể chất 3; Giáo dục quốc phòng; Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành; Tiếng Việt thực hành; Tin học đại cương; Môi trường và phát triển; Cơ sở văn hoá Việt Nam; Văn hoá và phát triển. Khối kiến thức chung giúp người học có kiến thức nền tảng về khoa học Mác Lênin, khoa học xã hội, văn hoá và quản lý ngành; Rèn luyện thể lực, ý chí và khả năng biện luận về lý tưởng giai cấp khoa học trong xu thế hội nhập và phát triển.

Khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở và kiến thức ngành) có 25 học phần, gồm: Lô gíc đại cương; Toán cơ sở; Tiếng Việt cơ sở; Sinh lý học trẻ em tuổi mầm non; Tâm lý học mầm non; Âm nhạc cơ bản; Mỹ thuật cơ bản; Tự nhiên - Xã hội; Đàn phím điện tử; Đồ chơi, Văn học dân gian; Dinh dưỡng trẻ em; Văn học trẻ em tuổi mầm non; Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ; Giáo dục học mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2; Phát triển chương trình giáo dục mầm non; Giao tiếp sư phạm mầm non; Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non; Tham vấn trong giáo dục mầm non; Giáo dục học gia đình; Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp cho trẻ mầm non; Tâm bệnh học lứa tuổi mầm non; Vệ sinh an toàn thực phẩm. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trang bị cho người học kiến thức nền tảng, chuyên sâu hiện đại về chuyên ngành giáo dục mầm non, làm cơ sở để sinh viên nghiên cứu các học phần nghiệp vụ sư phạm mầm non.

Khối Kiến thức nghiệp vụ sư phạm có 20 học phần, gồm: Chăm sóc vệ sinh cho trẻ mầm non; Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non; Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non; Dạy múa cho trẻ mầm non; Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non; Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non; Tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh; Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non; Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học; Hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non; Tổ chức ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non; Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non; Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm; Thực tập sư phạm 1; Thực tập sư phạm 2; Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non; Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non; Hình thành kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non; Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non. Khối Kiến thức nghiệp vụ sư phạm giúp người học nhận biết và vận dụng kiến thức tâm lý học mầm non, giáo dục học mầm non và phương pháp tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non theo các lĩnh vực giáo dục phát triển vào thiết kế và tổ chức, đánh giá kết quả các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; phát triển các năng lực nghiệp vụ sư phạm quan trọng, cần thiết như năng lực tổ chức hoạt động giáo dục, năng lực nghiên cứu giáo dục, năng lực đánh giá; năng lực phối hợp các lực lượng trong giáo dục trẻ, năng lực tư vấn, tham vấn về giáo dục mầm non. Qua đó sinh viên được rèn nghề, phát triển các năng lực nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp có 7 học phần, gồm: Tổ chức hoạt động khám phá - thử nghiệm cho trẻ mầm non; Phương pháp đọc, kể diễn cảm; Đánh giá trong giáo dục mầm non; Quản lý giáo dục mầm non; Can thiệp sớm trẻ khuyết tật; Kỹ thuật dạy học toán cho trẻ mầm non theo tiếp cận hiện đại; Các phương pháp giáo dục hiện đại. Khối kiến thức này giúp người học có kiến thức mở rộng về một số vấn đề mang tính thời sự, nội dung gắn với đổi mới giáo dục và sự phát triển giáo dục mầm non hiện nay.

2. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1. Kiến thức chung			24
<i>Các học phần bắt buộc</i>			22
1.	MLP151N	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	5
2.	HCM121N	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
3.	VCP131N	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3

4.	EDL121N	Pháp luật đại cương	2
5.	ENG131N	Tiếng Anh 1	3
6.	ENG132N	Tiếng Anh 2	3
7.	ENG143N	Tiếng Anh 3	4
8.	PHE111M	Giáo dục thể chất 1	
9.	PHE112M	Giáo dục thể chất 2	
10.	PHE113M	Giáo dục thể chất 3	
11.	MIE131M	Giáo dục quốc phòng	
<i>Các học phần tự chọn</i>			2
12.	GME121M	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành	2
13.	GIF121N	Tin học đại cương	2
14.	EDE121N	Môi trường và phát triển	2
15.	VIU121N	Tiếng Việt thực hành	2
16.	VCF121N	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2
17.	CDE121N	Văn hóa và phát triển	2
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			53
2.1. Kiến thức cơ sở			25
<i>Các học phần bắt buộc</i>			21
1.	GEL221N	Lô gíc đại cương	2
2.	BAM221N	Toán cơ sở	2
3.	BAV221N	Tiếng Việt cơ sở	2
4.	CHP231N	Sinh lý học trẻ em tuổi mầm non	3
5.	CHP251N	Tâm lý học mầm non	5
6.	MUS221N	Âm nhạc cơ bản	2
7.	FIA221N	Mỹ thuật cơ bản	2
8.	NAS231N	Tự nhiên - Xã hội	3
<i>Các học phần tự chọn</i>			4
9.	EBP221M	Đàn phím điện tử	2
10.	PIB221N	Đồ chơi	2
11.	FOL221N	Văn học dân gian	2
2.2. Kiến thức ngành			28
<i>Các học phần bắt buộc</i>			24
12.	CHN331N	Dinh dưỡng trẻ em	3
13.	TLC331N	Văn học trẻ em tuổi mầm non	3
14.	DSC331M	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	3

15.	INP331M	Giáo dục học mầm non 1	3
16.	INP332M	Giáo dục học mầm non 2	3
17.	CDP331M	Phát triển chương trình giáo dục mầm non	3
18.	PPC321N	Giao tiếp sư phạm mầm non	2
19.	SRM321N	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	2
20.	CIC321M	Tham vấn trong giáo dục mầm non	2
<i>Các học phần tự chọn</i>			4
21.	FAD321N	Giáo dục học gia đình	2
22.	IOP321N	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp cho trẻ mầm non	2
23.	PCP321N	Tâm bệnh học lứa tuổi mầm non	2
24.	PIB321N	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2
3. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm			46
<i>Các học phần bắt buộc</i>			44
1.	CHM431N	Chăm sóc vệ sinh cho trẻ mầm non	3
2.	PEM431N	Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3
3.	MEM431N	Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	3
4.	MOP431N	Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3
5.	DAM431N	Dạy múa cho trẻ mầm non	3
6.	OAP421M	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2
7.	ESP421N	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	2
8.	MCA431N	Tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh	3
9.	MDL431N	Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3
10.	MCL431N	Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	3
11.	MMC441M	Hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non	4
12.	MAP421N	Tổ chức ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non	2
13.	AIS431N	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	3
14.	GSR421N	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	2
15.	TRA421M	Thực tập sư phạm 1	2
16.	TRA432M	Thực tập sư phạm 2	3
<i>Các học phần tự chọn</i>			2
17.	EGP421N	Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non	2
18.	EAH421N	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2
19.	FPC421M	Hình thành kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non	2
20.	PIB421M	Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non	2
4. Khoá luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp			7

Khoá luận tốt nghiệp			7
1.	TOG971N	Khoá luận tốt nghiệp	7
Các học phần thay thế khóa luận			7
2.	EWC921N	Tổ chức hoạt động khám phá - thử nghiệm cho trẻ mầm non	2
3.	MEC921N	Phương pháp đọc, kể diễn cảm	2
4.	EPE931M	Đánh giá trong giáo dục mầm non	3
5.	MOP931N	Quản lý giáo dục mầm non	3
6.	CID921M	Can thiệp sớm trẻ khuyết tật	2
7.	TMM921M	Kỹ thuật dạy học toán cho trẻ mầm non theo tiếp cận hiện đại	2
8.	MEM921M	Các phương pháp giáo dục hiện đại	2

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất				Năm thứ hai			
Học kỳ 1		Học kỳ 2		Học kỳ 3		Học kỳ 4	
Mã HP	Tên HP	Mã HP	Tên HP	Mã HP	Tên HP	Mã HP	Tên HP
MLP151N	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin *	ENG132N	Tiếng Anh 2*	ENG143N	Tiếng Anh 3*	PIB221N	Đồ chơi
ENG131N	Tiếng Anh 1*	PHE112M	Giáo dục thể chất 2*	PHE113M	Giáo dục thể chất 3*	TLC331N	Văn học trẻ em tuổi mầm non*
PHE111M	Giáo dục thể chất 1*	CHP251N	Tâm lý học mầm non*	MIE131M	Giáo dục quốc phòng*	INP332M	Giáo dục học mầm non 2*
GIF121N	Tin học đại cương	FIA221N	Mỹ thuật cơ bản*	BAM221N	Toán cơ sở*	PPC321N	Giao tiếp sư phạm mầm non*
EDE121N	Môi trường và phát triển	NAS231N	Tự nhiên - Xã hội*	BAV221N	Tiếng Việt cơ sở*	SRM321N	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non*
VIU121N	Tiếng Việt thực hành	EBP221M	Đàn phím điện tử	FOL221N	Văn học dân gian	AIS431N	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non*

VCF121N	Cơ sở văn hoá Việt Nam	PIB321N	Vệ sinh an toàn thực phẩm	CHN331N	Dinh dưỡng trẻ em*	FAD321N	Giáo dục học gia đình
CDE121N	Văn hóa và phát triển			INP331M	Giáo dục học mầm non 1*		
GEL221N	Lô gíc đại cương*						
CHP231N	Sinh lý học trẻ em tuổi mầm non*						
MUS221N	Âm nhạc cơ bản*						
Năm thứ ba				Năm thứ tư			
Học kỳ 5		Học kỳ 6		Học kỳ 7		Học kỳ 8	
Mã HP	Tên HP	Mã HP	Tên HP	Mã HP	Tên HP	Mã HP	Tên HP
EDL121N	Pháp luật đại cương*	HCM121N	Tư tưởng Hồ Chí Minh*	VCP131N	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*	TRA432M	Thực tập sư phạm 2*
DSC331M	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ*	CDP331M	Phát triển chương trình giáo dục mầm non*	GME121M	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành	EWC921N	Tổ chức hoạt động khám phá - thử nghiệm cho trẻ mầm non*
CIC321M	Tham vấn trong giáo dục mầm non*	MEM431N	Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non*	CHM431N	Chăm sóc vệ sinh cho trẻ mầm non*	MEC921N	Phương pháp đọc, kể diễn cảm
PEM431N	Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non*	MOP431N	Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non*	OAP421M	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non*	EPE931M	Đánh giá trong giáo dục mầm non*
MCA431N	Tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh*	DAM431N	Dạy múa cho trẻ mầm non*	ESP421N	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non*	MOP931N	Quản lý giáo dục mầm non
MCL431N	Phương pháp cho trẻ	MDL431N	Phát triển ngôn ngữ	MAP421N	Tổ chức ngày lễ,	CID921M	Can thiệp sớm trẻ

	làm quen tác phẩm văn học*		cho trẻ mầm non*		ngày hội ở trường mầm non*		khuyết tật
TRA421M	Thực tập sư phạm 1*	MMC441M	Hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non*	GSR421N	Rèn luyện nghề nghiệp sư phạm*	TMM921M	Kỹ thuật dạy học toán cho trẻ mầm non theo tiếp cận hiện đại*
IOP321N	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp cho trẻ mầm non			EGP421N	Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non	MEM921M	Các phương pháp giáo dục hiện đại
PCP321N	Tâm bệnh học lứa tuổi mầm non			EAH421N	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non		
				FPC421M	Hình thành kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non		
				PIB421M	Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non		

Ghi chú: * là học phần bắt buộc

4. Ma trận đóng góp của các khối kiến thức vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp mức thấp; 2 = Đóng góp mức trung bình;

3 = Đóng góp mức cao)

Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																
	Kiến thức chung	Kiến thức chuyên môn			Kỹ năng chung				Kỹ năng chuyên môn						Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17
Chung	3	1	1	1	2	3	3	1	2	1	0	1	2	1	1	1	2
Chuyên nghề nghiệp	1	3	3	3	2	1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2

NVSP	1	3	3	2	3	1	2	3	3	3	3	3	2	3	3	2	2
TT, KLTN	1	2	2	2	2	1	2	2	1	1	3	1	2	1	1	2	2

5. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp mức thấp; 2= Đóng góp mức trung bình;

3 = Đóng góp mức cao)

Mã, tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																
	Kiến thức chung	Kiến thức chuyên môn			Kĩ năng chung				Kĩ năng chuyên môn								Năng lực tự chủ và trách nhiệm
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17
MLP151N; Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	3	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
HCM121N; Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	1	1	1	2	0	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	2
VCP131N; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
EDL121N; Pháp luật đại cương	3	1	0	1	1	0	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	1
ENG131N; Tiếng Anh 1	0	1	1	1	1	3	1	1	1	0	0	0	1	0	0	1	2
ENG132N; Tiếng Anh 2	0	1	1	1	1	3	1	1	1	0	0	0	1	0	0	2	2

ENG143N; Tiếng Anh 3	0	1	1	1	2	3	1	3	1	0	0	0	1	0	0	2	3	
PHE111M; Giáo dục thể chất 1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	
PHE112M; Giáo dục thể chất 2	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	
PHE113M; Giáo dục thể chất 3	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	
MIE131M; Giáo dục quốc phòng	2	2	0	1	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	2	1	1
GME121M; Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành	1	1	1	2	1	0	1	0	2	0	0	0	0	0	2	0	0	0
GIF121N; Tin học đại cương	0	1	1	0	1	0	3	1	1	1	1	1	1	1	0	0	0	
EDE121N; Môi trường và phát triển	0	1	1	0	1	0	1	1	1	0	1	1	1	1	1	1	1	
VIU121N; Tiếng Việt thực hành	0	1	1	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
VCF121N; Cơ sở văn hoá Việt Nam	0	2	1	0	1	0	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	
CDE121N; Văn hóa và phát triển	0	2	1	0	1	0	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	
GEL221N;	0	1	1	0	1	0	1	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	

Lô gíc đại cương																	
BAM221N; Toán cơ sở	0	1	1	0	1	0	1	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0
BAV221N; Tiếng Việt cơ sở	0	2	1	0	1	0	1	1	2	1	1	1	1	0	1	1	1
CHP231N; Sinh lý học trẻ em (tuổi mầm non)	0	3	2	0	1	0	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1
CHP251N; Tâm lý học mầm non	1	3	3	1	2	0	1	2	3	3	3	3	3	1	3	2	2
MUS221N; Âm nhạc cơ bản	0	3	2	0	1	0	1	0	2	1	1	0	2	0	2	2	2
FIA221N; Mỹ thuật cơ bản	0	3	2	0	1	0	1	0	2	1	1	0	2	0	2	2	2
NAS231N; Tự nhiên - Xã hội	0	3	2	0	1	0	1	0	1	1	1	2	2	0	2	2	2
EBP221M; Đàn phím điện tử	0	3	2	0	1	0	1	0	2	1	1	1	1	0	2	2	2
PIB221N; Đồ chơi	0	3	2	0	1	0	1	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2
FOL221N; Văn học dân gian	0	3	2	0	2	0	1	0	2	1	1	1	1	1	2	2	2
CHN331N; Dinh dưỡng trẻ em	0	3	2	0	1	0	1	0	1	1	2	1	2	1	2	2	2
TLC331N; Văn học trẻ em	0	3	2	1	2	1	1	0	2	1	2	1	2	1	2	2	2

tuổi mầm non																		
DSC331M; Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	0	3	3	0	2	0	1	1	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2
INP331M; Giáo dục học mầm non 1	0	3	3	2	2	0	1	2	2	2	2	2	2	2	2	3	2	2
INP332M; Giáo dục học mầm non 2	0	3	3	2	2	0	1	2	3	2	2	2	2	2	2	3	2	2
CDP331M; Phát triển chương trình giáo dục mầm non	1	3	3	2	2	0	2	2	3	2	3	2	2	2	2	2	2	2
PPC321N; Giao tiếp sự phạm mầm non	0	3	3	1	3	0	1	2	2	2	2	2	2	2	2	3	2	2
SRM321N; Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	0	3	2	1	2	0	2	2	2	1	2	1	2	1	2	2	2	2
CIC321M; Tham vấn trong giáo dục mầm non	1	2	3	1	3	0	1	2	2	3	3	3	2	3	2	3	3	2
FAD321N; Giáo dục học gia đình	0	3	2	1	2	0	1	2	2	2	1	2	2	1	2	2	2	2

IOP321N; Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp cho trẻ mầm non	0	3	3	0	2	0	2	1	3	1	2	2	2	2	2	2	2
PCP321N; Tâm bệnh học lứa tuổi mầm non	0	3	3	0	2	0	1	1	2	2	1	1	2	1	2	2	2
PIB321N; Vệ sinh an toàn thực phẩm	0	3	2	0	1	0	1	1	2	1	1	2	2	2	2	2	2
CHM431N; Chăm sóc vệ sinh cho trẻ mầm non	0	3	3	0	2	0	1	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2
PEM431N; Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	0	3	3	0	2	0	1	2	3	2	2	2	2	1	2	2	2
MEM431N; Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	0	3	3	0	2	0	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2
MOP431N; Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	0	3	3	0	2	0	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2
DAM431N; Dạy múa	0	3	3	0	2	0	1	2	3	1	2	2	2	2	2	2	2

cho trẻ mầm non																		
OAP421M; Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	0	3	3	0	2	0	1	2	3	2	2	2	2	2	3	2	2	2
ESP421N; Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	0	3	3	0	2	0	1	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
MCA431N; Tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh	0	3	3	0	2	0	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
MDL431N; Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	0	3	3	0	2	0	2	1	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
MCL431N; Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	0	3	3	0	2	0	2	1	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
MMC441M ; Hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non	0	3	3	0	2	0	2	1	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2

MAP421N; Tổ chức ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non	0	3	3	0	2	0	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2
AIS431M; Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	0	3	3	0	2	0	3	2	3	2	2	2	2	2	1	2	2
GSR421N; Rèn luyện nghệ thuật sư phạm	0	3	3	0	2	0	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2
TRA421N; Thực tập sư phạm 1	0	2	3	0	2	0	2	2	3	2	2	2	2	3	2	2	2
TRA432N; Thực tập sư phạm 2	0	2	3	0	2	0	3	2	3	2	2	2	2	3	2	2	2
EGP421N; Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non	0	3	3	0	2	0	1	1	3	2	2	2	2	2	2	2	2
EAH421N; Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	0	3	3	0	2	0	1	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2
FPC421M; Hình thành kỹ năng tiên	0	3	3	0	2	0	1	1	3	2	2	2	2	2	2	2	2

đọc viết cho trẻ mầm non																	
PIB421M; Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non	0	3	3	0	2	0	1	1	3	2	2	2	2	2	2	2	2
TOG971N; Khoá luận tốt nghệp	0	2	3	0	1	0	1	1	3	1	1	2	2	1	2	2	2
EWC921N; Tổ chức hoạt động khám phá - thử nghiệm cho trẻ mầm non	0	3	3	0	2	0	1	1	3	2	2	2	2	1	2	2	2
MEC921N; Phương pháp đọc, kể diễn cảm	1	2	2	2	3	0	1	1	2	1	2	1	2	2	1	2	2
EPE931M; Đánh giá trong giáo dục mầm non	0	3	3	0	2	0	1	2	3	2	3	2	2	1	2	2	2
MOP931N; Quản lý giáo dục mầm non	1	3	3	3	2	0	1	2	3	2	1	2	2	3	2	2	2
CID921M; Can thiệp sớm trẻ khuyết tật	0	3	3	1	2	0	1	2	3	2	1	2	2	1	2	2	2
TMM921M ; Kỹ thuật dạy học toán cho trẻ mầm	0	3	3	0	2	0	2	1	3	2	2	2	2	1	2	2	2

non theo tiếp cận hiện đại																	
MEM921M ; Các phương pháp giáo dục hiện đại	0	3	3	0	2	0	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2

6. Mô tả tóm tắt các học phần

6.1. MLP151N; Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin (5 tín chỉ)

Học phần nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp những kiến thức cơ sở, nền tảng về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin bao gồm: Thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin; Học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội. Thông qua đó, nhằm trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học. Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, các môn khoa học lý luận chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội - nhân văn.

6.2. HCM121N; Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Tư tưởng Hồ Chí Minh là Học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương, đối tượng nghiên cứu là hệ thống những quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh còn tập trung luận giải nội dung những chuyên đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; tư tưởng về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; tư tưởng về Đảng cộng sản Việt Nam; tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về Nhà nước của dân, do dân, vì dân; tư tưởng về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới. Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và các Học phần thuộc khoa học lý luận chính trị, khoa học xã hội - nhân văn.

6.3. VCP131N; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)

Học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam cơ bản nghiên cứu đường lối do Đảng đề ra trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Không kể chương mở đầu, Học phần gồm 8 chương. Chương 1,2,3

nghiên cứu về đường lối cách mạng của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1930-1975); Chương 4,5,6,7,8 nghiên cứu về đường lối của Đảng trong thời kỳ đổi mới như: Đường lối công nghiệp hoá, đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đường lối xây dựng hệ thống chính trị... Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và các học phần thuộc khoa học chính trị.

6.4. EDL121N; Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Pháp luật đại cương là Học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương của tất cả các chương trình đào tạo. Đối tượng nghiên cứu của Học phần là những vấn đề chung và cơ bản nhất của nhà nước và pháp luật nói chung, của Nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự...

6.5. ENG131N; Tiếng Anh 1 (3 tín chỉ)

Học phần này rèn cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh bằng việc đưa họ vào các tình huống giao tiếp hàng ngày. Đó là tự giới thiệu, nói chuyện về bản thân, về sở thích, kể về kinh nghiệm bản thân, bày tỏ nhu cầu ý kiến. Qua những bài học này, người học có cơ hội học được văn hoá của những nước nói tiếng Anh. Sau khi học xong chương trình tiếng Anh ở phổ thông, đây là chương trình dạy kế tiếp. Sinh viên sử dụng vốn từ, cấu trúc ngữ pháp mà các em đã lĩnh hội từ trước để phát triển khả năng ngôn ngữ và nâng cao kinh nghiệm học ngoại ngữ và kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng diễn đạt bằng ngôn ngữ.

6.6. ENG132N; Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 2 là học phần kế tiếp của Tiếng Anh 1, trang bị cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có *to*, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Những kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một vài quốc gia trên thế giới. Học phần tiếp tục rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ Bậc 3 mức trung bình, gồm nghe, nói, đọc và viết, đặt trong 4 chủ đề chính ở trên. Kết thúc học phần này, trong phạm vi các chủ đề đã học, người học có khả năng nói chuyện, nghe lấy ý chính và lấy thông tin, đọc hiểu ý chính và đọc lấy thông tin, viết đoạn văn ngắn 35-45 từ.

6.7. ENG143N; Tiếng Anh 3 (4 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 3 tiếp tục bổ sung cho sinh viên lượng từ vựng về các chủ đề Ngôn ngữ và học tập; du lịch và kì nghỉ; Lịch sử; Tự nhiên cùng với các chủ điểm ngữ pháp về câu bị động ở hiện tại và quá khứ; quá khứ hoàn thành, câu hỏi cho chủ ngữ và tân ngữ, tính từ đuôi *-ing* và đuôi *-ed*; cấu trúc *used to*, câu gián tiếp; câu điều kiện loại 2, các đại từ bất định, *will*, *might*. Ngoài ra, thông qua học phần này, sinh viên tiếp tục được rèn luyện các kĩ năng giao tiếp trong tiếng Anh như: nghe hiểu được các cuộc hội thoại, các cuộc phỏng vấn và các bài viết; đọc hiểu các bài báo về các chủ đề được học; trình bày quan điểm cá nhân, lập kế hoạch hay phỏng vấn và rèn luyện kĩ năng viết thư thân mật, viết lý lịch cá nhân khoảng 100-120 từ.

Cùng với các học phần tiếng Anh 1,2, học phần này tiếp tục phát triển kĩ năng sử dụng tiếng Anh cho sinh viên để sinh viên đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp.

6.8. PHE111M; Giáo dục thể chất 1

Giáo dục thể chất 1 là học phần bắt buộc trong học phần GDTC dành cho sinh viên không chuyên TDTT Trường ĐHSP - ĐH Thái Nguyên. Trong học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức về lịch sử TDTT, ý nghĩa, tác dụng của tập luyện TDTT đối với con người; các nguyên tắc, phương pháp GDTC và vệ sinh trong tập luyện TDTT, những kỹ thuật cơ bản của các nội dung gồm: chạy cự ly ngắn, nhảy xa, các bài tập Đội hình đội ngũ và bài Thể dục tay không. Giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác cũng như rèn luyện sức khỏe bản thân.

6.9. PHE112M; Giáo dục thể chất 2

Học phần Giáo dục thể chất 2 sinh viên được lựa chọn học một trong năm môn Thể thao sau: Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Aerobic, Võ thuật. Học phần này trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng của việc tập luyện môn thể thao mà mình theo học, nguyên lý kỹ thuật cơ bản, chiến thuật, luật thi đấu, cách thức tổ chức và trọng tài... Hình thành những kỹ năng, kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản trong các môn thể thao đó, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.

6.10. PHE113M; Giáo dục thể chất 3

Học phần Giáo dục thể chất 3 sinh viên được lựa chọn học một trong năm môn Thể thao sau: Khiêu vũ Thể thao, Bóng ném, Đá cầu, Cầu lông, Cờ vua. Học phần này

trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng của việc tập luyện môn thể thao mà mình theo học, nguyên lý kỹ thuật cơ bản, chiến thuật, luật thi đấu, cách thức tổ chức và trọng tài... Hình thành những kỹ năng, kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản trong các môn thể thao đó, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.

6.11. MIE131M; Giáo dục quốc phòng

6.12. GME121M; Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành (2 tín chỉ)

Tiếng Việt: Học phần Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục-đào tạo có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong chương trình đào tạo cử nhân quản lý giáo dục. Nghiên cứu Học phần này sinh viên có được những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước (các tính chất chủ yếu của nền hành chính nhà nước, nội dung, quy trình, công cụ, hình thức, phương pháp quản lý hành chính nhà nước; Luật cán bộ, công chức; Luật viên chức), quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo (tính chất, đặc điểm, nguyên tắc, nội dung, bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục đào tạo) và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục và đào tạo; từ đó, sinh viên nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục và nghĩa vụ của công dân đối với đất nước. Học phần có mối quan hệ mật thiết với môn pháp luật đại cương, môn giáo dục học, môn tổ chức và quản lý trường học.

6.13. GIF121N; Tin học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần củng cố và phát triển ở sinh viên các khái niệm cơ bản về xử lý thông tin và máy tính điện tử; các thao tác khai thác một số dịch vụ Internet phục vụ học tập, nghiên cứu và giảng dạy, các kỹ năng sử dụng hệ điều hành để thao tác trên máy tính điện tử; khai thác một số phần mềm ứng dụng, soạn thảo và lưu trữ các văn bản phục vụ công tác văn phòng; sử dụng hệ bảng để tính toán khoa học và giải quyết các vấn đề chuyên môn; sử dụng phần mềm trình chiếu để tạo bài trình chiếu hấp dẫn, hiệu quả.

6.14. EDE121N; Môi trường và phát triển (5 tín chỉ)

Nội dung học phần Môi trường và phát triển gồm các nhóm kiến thức cơ bản về môi trường, dân số, nhu cầu và hoạt động thoả mãn nhu cầu của con người, hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường và các chính sách bảo vệ môi trường - phát triển bền vững. Các nội dung được đề cập ở mức độ bao quát trên thế giới và đi sâu phân tích ở phạm vi Việt Nam. Ngoài ra học phần cung cấp kiến thức về mối quan hệ giữa con người và môi trường; các hậu quả của bùng nổ dân số; ảnh hưởng của sự phát triển dân số đến môi trường; ảnh hưởng của xã hội hiện đại đến môi trường tự nhiên;

hiện trạng ô nhiễm môi trường tự nhiên; mối quan hệ dân số, phát triển kinh tế - xã hội và tài nguyên thiên nhiên.

6.15. VIU121N; Tiếng Việt thực hành (2 tín chỉ)

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu; cách tiếp nhận và tạo lập một số loại văn bản thông dụng. Học phần có cấu trúc gồm 2 chương. Chương 1: *Rèn luyện kỹ năng về chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu*. Chương 2: *Rèn luyện kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản*. Nhờ các kỹ năng này, người học có thể nâng cao năng lực giao tiếp của mình trong các hoạt động đọc, viết, nghe, nói. Đồng thời người học có thể vận dụng các tri thức kỹ năng có được từ học phần để làm các đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên, nâng cao hiệu quả giao tiếp hành chính, hiệu quả giảng dạy các bài tiếng Việt thực hành ở trường PT, bồi dưỡng năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực tin học.

6.16. VCF121N; Cơ sở văn hoá Việt Nam (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho SV những tri thức cơ bản, quan trọng, mang tính chất đặc thù của văn hóa Việt Nam. Học phần gồm có 3 chương, ngoài những kiến thức đại cương nhằm cung cấp cho người học cái nhìn khái quát về văn hóa và văn hóa học nói chung, nội dung chủ yếu đi sâu vào hầu hết các vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam như: định vị văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hóa Việt Nam; một số thành tố văn hóa cơ bản; các vùng văn hóa Việt Nam; văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại.

6.17. CDE121N; Văn hóa và phát triển (2 tín chỉ)

Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, nhóm các học phần tự chọn. Học phần trình bày những tri thức cơ bản của chuyên ngành liên quan tới văn hóa, phân tích mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển, chỉ ra vai trò, ảnh hưởng, tác động của văn hóa tới sự phát triển kinh tế, xã hội và ngược lại. Học phần cũng liên hệ tới văn hóa Việt Nam, nhận diện và phân tích những đặc điểm cơ bản của văn hóa Việt Nam, vai trò của nó đối với sự phát triển của kinh tế, xã hội Việt Nam trong bối cảnh đương đại và sự tác động của kinh tế tới sự phát triển văn hóa.

6.18. GEL221N; Lô gíc đại cương (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về khái niệm, phán đoán và suy luận, lôgic mệnh đề gồm mệnh đề, hàm mệnh đề, các phép toán lôgic, các công thức lôgic và các loại mệnh đề toán học. Môn logic có vai trò rất quan trọng, nhằm trang bị cho sinh viên một số vấn đề về khái niệm, phán đoán và suy luận, một số vấn đề về mệnh đề, hàm mệnh đề, giúp sinh viên nhìn nhận các vấn đề một cách lô gic và trình bày các đề tài, khóa luận một cách khoa học, có logic hơn. Trên cơ sở đó thấy được mối liên quan của học phần lôgic với các bộ môn khoa học khác, soi sáng những kiến thức toán học

cần hình thành cho trẻ mầm non, mặt khác thấy được tầm quan trọng của suy luận logic trong việc hình thành biểu tượng toán học cho trẻ mầm non.

6.19. BAM221N; Toán cơ sở (2 tín chỉ)

Học phần Toán cơ sở cung cấp cho người học những kiến thức toán học cơ bản bao gồm: Những vấn đề cơ bản của lý thuyết tập hợp: tập hợp, quan hệ, ánh xạ, đại số tô hợp; Những kiến thức cơ bản về số tự nhiên và các phép toán trên tập hợp số tự nhiên, hệ đếm và cách ghi số theo các cơ số; Những kiến thức cơ sở của đại số tuyến tính bao gồm lý thuyết về ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính; Một số vấn đề cơ bản của đại số véc tơ và hình học giải tích như véc tơ, phương pháp tọa độ trên mặt phẳng và trong không gian.

6.20. BAV221N; Tiếng Việt cơ sở (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về các bộ phận của tiếng Việt như ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, văn bản, phong cách ngôn ngữ; về các đơn vị trong tiếng Việt như âm vị, âm tố, âm tiết, hình vị, từ, cụm từ, câu, văn bản và những quy tắc sử dụng chúng. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện cho sinh viên cách vận dụng những kiến thức của tiếng Việt vào thực tế giảng dạy, nghiên cứu, rèn kỹ năng sử dụng tiếng Việt phù hợp, đạt hiệu quả cao trong hoạt động giao tiếp.

6.21. CHP231N; Sinh lý học trẻ em (tuổi mầm non) (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm cấu tạo và chức năng của các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể trẻ em. Các quá trình sinh lý, quá trình trao đổi chất, quá trình sinh trưởng và phát triển của cơ thể trẻ mầm non làm cơ sở cho tiếp thu các kiến thức chuyên ngành. Trên cơ sở đó nhận thức và phân tích các hiện tượng trong tâm lý học, giáo dục học, dinh dưỡng học và các bộ môn phương pháp và biện pháp chăm sóc và giáo dục trẻ.

6.22. CHP251N; Tâm lý học mầm non (5 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của tâm lý học trẻ em, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của tâm lý học trẻ em; vấn đề lý luận cơ bản về sự phát triển tâm lý trẻ em; qui luật và điều kiện cơ bản của sự phát triển tâm lý trẻ em; nắm được sự phân chia các giai đoạn lứa tuổi, các dạng hoạt động và hoạt động chủ đạo của trẻ mầm non; các đặc điểm về thể chất, đặc điểm về tâm lý đặc trưng của trẻ em lứa tuổi mầm non; quá trình chuẩn bị tiền đề tâm lý cho trẻ mẫu giáo lớn bước vào lớp 1; trên cơ sở đó Học phần còn hình thành cho người học những kỹ năng cần thiết trong quá trình quan sát trẻ, phân tích diễn biến tâm lý, chăm sóc trẻ, tổ chức các hoạt động phù hợp với từng lứa tuổi mầm non. Học phần còn là cơ sở cho nhiều Học phần khác thuộc chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non.

6.23. MUS221N; Âm nhạc cơ bản (2 tín chỉ)

Học phần Âm nhạc cơ bản có nhiệm vụ nghiên cứu các yếu tố đó cùng mối tương quan giữa chúng. Trong học phần này, mỗi yếu tố âm nhạc được trình bày riêng trong từng chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về âm - cách ghi âm, nhịp - tiết tấu, quãng, điệu thức - giọng, cách xác định giọng - dịch giọng, hợp âm, sắc thái biểu diễn.

6.24. FIA221N; Mỹ thuật cơ bản (2 tín chỉ)

Học phần Mỹ thuật cơ bản giới thiệu 3 chương: Vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ tranh. Học phần mỹ thuật cơ bản giới thiệu những kiến thức cơ bản nhất về nghệ thuật tạo hình, vận dụng kiến thức như luật xa gần, giải phẫu tạo hình, ký họa, kiến thức về màu sắc... để biểu hiện không gian ba chiều lên mặt phẳng hai chiều. Học phần mỹ thuật cơ bản góp phần nâng cao khả năng nhận thức thẩm mỹ cho sinh viên, giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về nghệ thuật của cái đẹp nói chung và vận dụng được nó vào trong cuộc sống cũng như quá trình công tác sau này. Học phần có mối quan hệ mật thiết với những học phần khác đặc biệt là học phần Đồ chơi, nó bổ xung thêm cho người học kiến thức về mặt thẩm mỹ, phát triển tư duy ở người học một cách toàn diện.

6.25. NAS231N; Tự nhiên - Xã hội (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thế giới và các hiện tượng của tự nhiên như động vật, thực vật, đất, nước, không khí, ánh sáng, năng lượng, vũ trụ và Trái đất...; khái quát thời kì lịch sử Việt Nam; đời sống kinh tế- xã hội của Việt Nam, các sự kiện, nhân vật lịch sử tiêu biểu, truyền thống văn hóa dân tộc, các mối quan hệ trong gia đình... Nội dung chương trình lựa chọn những kiến thức thiết thực, gần gũi và có ý nghĩa, giúp sinh viên có thể áp dụng các kiến thức khoa học vào hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non.

6.26. EBP221M; Đàn phím điện tử (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên có được những phương pháp đọc một bản nhạc và hát chuẩn về cao độ, tiết tấu, lời ca, thể hiện được sắc thái các bài hát tiêu biểu trong chương trình giáo dục mầm non. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cách thức và thao tác sử dụng, làm chủ các chức năng về đàn phím điện tử. Qua đó sinh viên biết cách chạy ngón ở một số gam cơ bản, đàn, hát và đệm những bài hát thiếu nhi đơn giản phù hợp với ngành đào tạo, đáp ứng được nhu cầu thực tiễn đời sống cũng như nhu cầu cấp thiết của việc đổi mới giáo dục toàn diện.

6.27. PIB221N; Đồ chơi (2 tín chỉ)

Học phần gồm 5 chương chính. Chương 1, 2 là hai chương lí thuyết khái quát về đồ chơi và cách phân loại đồ chơi. Chương 3,4,5 mang tính chất thực hành, giúp cho SV có kĩ năng làm một số đồ chơi đơn giản phục vụ cho dạy học. Đây đồng thời cũng

là học phần bồi dưỡng cho sinh viên về cảm thụ thẩm mỹ bằng cách giúp sinh viên lựa chọn và kết hợp được chất liệu, màu sắc, đường nét trong từng sản phẩm. Học phần cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm và bảo quản đồ chơi cho trẻ trong trường mầm non. Học phần có một vị trí quan trọng đối với sinh viên SP mầm non, nó có sự liên quan trực tiếp đến nhiều học phần khác trong chương trình giáo dục mầm non, để hỗ trợ cho quá trình công tác sau này.

6.28. FOL221N; Văn học dân gian (2 tín chỉ)

Học phần Văn học dân gian bao gồm những kiến thức cơ bản nhất về văn học dân gian Việt Nam, được cấu tạo thành 3 chương. Cụ thể: Chương 1 cung cấp tri thức khái quát về văn học dân gian: các khái niệm, các đặc trưng cơ bản của văn học dân gian; hệ thống thể loại văn học dân gian. Chương 2 bao gồm những kiến thức cơ bản về các thể loại của văn học dân gian như: thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích.... Chương 3 cung cấp kiến thức chung nhất về những tác phẩm văn học dân gian sử dụng trong chương trình giáo dục mầm non. Trên đây là những tri thức nền tảng giúp người học hình thành kỹ năng tiếp cận, phân tích, vận dụng các thể loại văn học dân gian trong giáo dục trẻ ở bậc học mầm non.

6.29. CHN331N; Dinh dưỡng trẻ em (3 tín chỉ)

Học phần thuộc khối kiến thức khoa học giáo dục, giúp trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về dinh dưỡng học đại cương, vệ sinh an toàn thực phẩm và dinh dưỡng cho trẻ em lứa tuổi mầm non như: Nhu cầu và nguyên tắc dinh dưỡng của trẻ em, cách xây dựng khẩu phần ăn và thực đơn, tổ chức dinh dưỡng và giáo dục dinh dưỡng cho trẻ, phương pháp giáo dục dinh dưỡng ở trường mầm non, điều tra dinh dưỡng... Trên cơ sở đó, biết cách ứng dụng trong công tác chăm sóc - giáo dục trẻ ở trường mầm non.

6.30. TLC331N; Văn học trẻ em tuổi mầm non (3 tín chỉ)

Văn học trẻ em tuổi mầm non là học phần cung cấp hệ thống tri thức khoa học cơ bản, về những khái niệm, phạm trù và quy luật chung nhất của lý luận văn học. Đồng thời còn cung cấp một cách có hệ thống quá trình hình thành, phát triển, những tác phẩm văn học tiêu biểu dành cho trẻ em trong và ngoài nước.

6.31. DSC331M; Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ, phòng bệnh cho trẻ em, các bệnh thường gặp ở trẻ em, sơ cứu ban đầu và cấp cứu khẩn cấp thường gặp, thuốc và cách sử dụng thuốc trong trường mầm non, phòng tránh và xử lý một số tai nạn thường gặp ở trẻ nhỏ tạo điều kiện cho việc chăm sóc sức khỏe ban đầu có hiệu quả.

6.32. INP331M; Giáo dục học mầm non 1 (3 tín chỉ)

Học phần giới thiệu cho sinh viên những vấn đề cơ bản của khoa học giáo dục mầm non: giáo dục học mầm non là một chuyên ngành của giáo dục học; đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu giáo dục học mầm non; nguyên tắc và phương pháp giáo dục trẻ ở tuổi mầm non; đặc điểm của lao động sư phạm mầm non và những yêu cầu về nhân cách của người giáo viên mầm non; vị trí, vai trò, nội dung của công tác quản lý nhóm/ lớp ở trường mầm non; lý luận cơ bản về hoạt động dạy học cho trẻ ở trường mầm non cũng như công tác đánh giá trong hoạt động giáo dục mầm non. Hiểu được những kiến thức của Học phần này, sinh viên sẽ có cơ sở để tiếp tục tiếp thu những kiến thức của Học phần sau và hình thành thái độ, kỹ năng sư phạm phù hợp.

6.33. INP332M; Giáo dục học mầm non 2 (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về cơ sở khoa học của công tác chăm sóc, giáo dục trẻ lứa tuổi nhà trẻ và tuổi mẫu giáo; kiến thức về chương trình giáo dục mầm non và quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non theo các độ tuổi, trên cơ sở đó giúp sinh viên hình thành và phát triển kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ tuổi nhà trẻ và tuổi mẫu giáo theo mục tiêu giáo dục mầm non. Học phần định hướng những tiền đề chung về khoa học giáo dục mầm non cho việc xây dựng và tổ chức dạy học các môn phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục, phương pháp tổ chức hoạt động dạy học mang tính chuyên biệt cho trẻ mầm non trong chương trình đào tạo.

6.34. CDP331M; Phát triển chương trình giáo dục mầm non (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về chương trình và phát triển chương trình giáo dục mầm non, trên cơ sở đó hình thành và phát triển kỹ năng phát triển chương trình giáo dục ở trường mầm non thông qua thiết kế, tổ chức và đánh giá các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ theo tháng ở lứa tuổi nhà trẻ; chương trình giáo dục theo chủ đề/dự án, chủ đề phát sinh ở lứa tuổi mẫu giáo; kỹ năng phân tích, đánh giá và phát triển môi trường giáo dục nhà trường; môi trường giáo dục theo chủ đề ở trường mầm non.

6.35. PPC321N; Giao tiếp sư phạm mầm non (2 tín chỉ)

Học phần Giao tiếp sư phạm mầm non thuộc chương trình cư nhân sư phạm mầm non, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sư phạm và giao tiếp sư phạm mầm non; Khái niệm, vị trí, vai trò của giao tiếp, giao tiếp sư phạm và giao tiếp sư phạm mầm non; Đặc điểm, nguyên tắc, phong cách và một số kỹ năng giao tiếp sư phạm mầm non; Vận dụng kiến thức giao tiếp sư phạm mầm non để rèn luyện một số kỹ năng giao tiếp trong các mối quan hệ giữa giáo viên mầm non với trẻ, với phụ huynh với đồng nghiệp và các lực lượng giáo dục khác.

6.36. SRM321N; Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non (2 tín chỉ)

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non thuộc chương trình cử nhân sư phạm mầm non, cung cấp cho người học những kiến thức về khoa học và nghiên cứu khoa học; cơ sở phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non; các quan điểm cần tiếp cận trong nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non, các phương pháp cơ bản trong nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non; qui trình tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non; cách đánh giá một công trình khoa học giáo dục; ngoài ra hình thành cho người học những kỹ năng nghiên cứu khoa học như cách xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học, cách xác định vấn đề khoa học, cách tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học và biết phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục mầm non.

6.37. CIC321M; Tham vấn trong giáo dục mầm non (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tham vấn, tham vấn trong giáo dục; đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, các hình thức tham vấn trong giáo dục; khái niệm hoạt động tham vấn trong giáo dục mầm non; cấu trúc, nguyên tắc, nội dung, phương pháp tham vấn trong giáo dục ở trường mầm non trên cơ sở đó, hình thành cho sinh viên kỹ năng tham vấn cần thiết trong hoạt động tham vấn cho trẻ, cho đồng nghiệp, gia đình và cộng đồng về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

6.38. FAD321N; Giáo dục học gia đình (2 tín chỉ)

Học phần giới thiệu cho sinh viên những vấn đề cơ bản về giáo dục gia đình đối với trẻ lứa tuổi mầm non: Khái niệm, chức năng của gia đình; khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, phương pháp giáo dục gia đình; vai trò của giáo dục gia đình đối với sự hình thành và phát triển nhân cách của trẻ lứa tuổi mầm non; mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục gia đình đối với trẻ ở tuổi mầm non và các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục gia đình; Nắm được những kiến thức của Học phần này, sinh viên có cơ sở để xác định nội dung và biện pháp tư vấn có hiệu quả cho các bậc cha mẹ chăm sóc giáo dục con ở tuổi mầm non, có kỹ năng phối hợp với gia đình trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ.

6.39. IOP321N; Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết để tổ chức tốt các hoạt động giáo dục cho trẻ theo hướng tích hợp. Hình thành ở người học kỹ năng thiết kế, lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non theo hướng tích hợp chủ đề. Ngoài ra còn giúp người học hình thành kỹ năng xây dựng môi trường hoạt động mang tính phát triển nhằm kích thích hứng thú, trí tưởng tượng và sự sáng

tạo của trẻ

6.40. PCP321N; Tâm bệnh học lứa tuổi mầm non (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức khoa học về: Khái niệm tâm bệnh học trẻ em; lịch sử hình thành và phát triển của tâm bệnh học trẻ em; trẻ bình thường và trẻ bệnh lý; những lý thuyết cơ bản về tâm bệnh học trẻ em phương pháp đánh giá tâm bệnh học trẻ em; Vấn đề rối loạn triệu chứng và chức năng; Các hội chứng về tâm lý trẻ; Cách phòng ngừa, chữa trị rối loạn tâm lý cho trẻ, cách xử lý rối nhiễu tâm lý cho trẻ tuổi mầm non.

6.41. PIB321N; Vệ sinh an toàn thực phẩm (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vệ sinh an toàn thực phẩm, ngộ độc thực phẩm; các quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm; Các nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm trong trường mầm non và các biện pháp đảm bảo vệ sinh trong trường mầm non. Từ đó biết lập kế hoạch, triển khai và thực hiện tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm trong các hoạt động chăm sóc- giáo dục và trong tổ chức dinh dưỡng cho trẻ ở trường mầm non.

6.42. CHM431N; Chăm sóc vệ sinh cho trẻ mầm non (3 tín chỉ)

Học phần giới thiệu về đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu của vệ sinh trẻ em; Khái quát các giai đoạn phát triển của trẻ mầm non; ý nghĩa và biện pháp vệ sinh các cơ quan và hệ cơ quan cho trẻ; Các vấn đề vệ sinh trong giáo dục thể chất cho trẻ và tổ chức vệ sinh môi trường ở trường mầm non; Khái niệm thói quen vệ sinh, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ .

6.43. PEM431N; Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non (3 tín chỉ)

Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức nghiệp vụ trong chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm Mầm non. Học phần này bao gồm các nội dung quan trọng sau: Những vấn đề chung về giáo dục thể chất; Phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; Cơ sở lý luận về phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; Nội dung và hình thức giáo dục thể chất cho trẻ mầm non.

6.44. MEM431N; Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non (3 tín chỉ)

Học phần được xây dựng và trình bày những kiến thức khoa học cơ bản về cơ sở tâm lý học, giáo dục học của hoạt động âm nhạc ở tuổi mầm non, giúp sinh viên rèn luyện được khả năng lĩnh hội, phân tích hệ thống, áp dụng linh hoạt các phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc, giáo dục nghệ thuật âm nhạc cho trẻ mầm non. Học phần hệ thống các phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc, kế hoạch tổ chức giờ, phương pháp lập kế hoạch năm, tháng, tuần, ngày, các chủ đề, chủ điểm và các chương trình HDAN ở trường mầm non. Học phần đóng vai trò quan trọng đối với sinh viên, nó có

liên quan trực tiếp đến nhiều học phần khác trong chương trình giáo dục mầm non.

6.46. DAM431N; Dạy múa cho trẻ mầm non (3 tín chỉ)

Học phần múa là học phần nghệ thuật mang tính đặc thù trong chương trình đào tạo của khoa Giáo dục Mầm non, là học phần tổng hợp của sự cấu thành biểu hiện nghệ thuật, người dạy múa là người hướng dẫn bài tập trên lớp phải có một hệ thống phương pháp luận, cơ bản, cụ thể, chi tiết, người học sẽ tiếp nhận kiến thức về múa theo một quy trình đặc thù riêng của học phần. Ngoài phần lý luận đại cương về nghệ thuật múa thì việc học cùng một lúc tiếp thu cả lý thuyết và những thao tác về động tác múa cụ thể sẽ làm sáng tỏ những vấn đề mà lý thuyết đã đặt ra. Nội dung bao gồm học không chỉ tiếp thu đơn thuần máy móc từ phía thầy mà đòi hỏi người học phải biết vận dụng sáng tạo, thể hiện và xây dựng tiết học múa sinh động trên cơ sở mở rộng chương trình giáo dục cho trẻ ở lứa tuổi mầm non. Sau khi học xong học phần múa, sinh viên ứng dụng vào chương trình dạy trẻ học múa theo hình thức thực hành để góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo giáo viên ngành Mầm non ở bậc Đại học. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về loại hình nghệ thuật múa, những kỹ năng cơ bản, phương pháp biên đạo và phương pháp tổ chức dạy múa cho trẻ trong trường mầm non.

6.47. OAP421M; Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng, quan điểm khoa học về hoạt động vui chơi của trẻ mẫu giáo và tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non, trên cơ sở đó giúp sinh viên hình thành, phát triển kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá kết quả hoạt động vui chơi của trẻ mẫu giáo; hình thành kỹ năng xây dựng sử dụng môi trường giáo dục trong tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non.

6.48. ESP421N; Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức khoa học, hiện đại về kỹ năng sống của trẻ em lứa tuổi mầm non (Khái niệm kỹ năng sống; Ý nghĩa và cách phân loại kỹ năng sống của trẻ em lứa tuổi mầm non; Về hoạt động giáo dục kỹ năng sống của trẻ ở trường mầm non (mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, con đường giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non và đánh giá kết quả hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non; Về tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở trường mầm non (tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo).

6.49. MCA431N; Tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh (3 tín chỉ)

Tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh là một học phần thuộc giáo dục học ứng dụng trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non. Học phần gồm 2 phần: phần lý thuyết và phần thực hành. Phần lý thuyết trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động khám phá môi trường xung quanh ở trường mầm non

(khái niệm, mục đích, ý nghĩa, nội dung, phương pháp, hình thức, điều kiện và phương tiện). Phần thực hành rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cần thiết (kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng thực hiện kế hoạch, kỹ năng đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch), giúp sinh viên sử dụng những kiến thức đã học để tổ chức có hiệu quả hoạt động khám phá môi trường xung quanh ở trường mầm non.

6.50. MDL431N; Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về các phạm trù khoa học, những vấn đề lý luận cơ bản về PTNN cho trẻ mầm non, những nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, biện pháp và các hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, trên cơ sở đó, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng xây dựng, tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ phù hợp, linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả.

6.51. MCL431N; Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học (3 tín chỉ)

Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học là một trong những học phần nghiệp vụ trong chương trình giáo dục mầm non. Học phần cung cấp cho người học những vấn đề lý luận chung về vai trò, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp của hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học; Các nguyên tắc lựa chọn tác phẩm và nguyên tắc tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học; Các nhóm phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học: Nhóm phương pháp dùng lời, nhóm phương pháp trực quan, nhóm phương pháp thực hành; nhóm phương pháp kiểm tra đánh giá. Cách thức tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học: cho trẻ làm quen với thơ, cho trẻ làm quen với truyện, dạy trẻ đóng kịch dựa theo tác phẩm văn học và dạy trẻ kể chuyện sáng tạo.

6.52. MMC441M; Hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non (4 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về vai trò và nhiệm vụ của bộ môn và việc hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non, các nguyên tắc dạy trẻ làm quen với toán, các nhóm các phương pháp dạy trẻ làm quen với toán. Về đặc điểm nhận thức, nội dung và phương pháp hình thành biểu tượng về tập hợp, số và phép đếm, hình dạng, kích thước, định hướng không gian và thời gian cho mỗi lứa tuổi trẻ mầm non.

6.53. MAP421N; Tổ chức ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lễ hội Việt Nam và ngày hội, ngày lễ ở trường mầm non như: Khái niệm lễ hội, đối tượng của lễ hội, quy trình của lễ hội, ý nghĩa của lễ hội, một số lễ hội ở Việt Nam; khái niệm ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non, đặc điểm của ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non và một số ngày lễ, ngày hội thường được tổ chức ở trường mầm non; phương pháp, hình thức tổ chức và các

yêu cầu khi tổ chức ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non. Trên cơ sở đó, sinh viên biết vận dụng phù hợp, sáng tạo trong các hoạt động ngày hội, ngày lễ ở trường mầm non.

6.54. AIS431M; Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về internet, cách khai thác thông tin trên internet một cách có hiệu quả. Bên cạnh đó giới thiệu và cung cấp cho sinh viên các kỹ năng cơ bản sử dụng phần mềm ứng dụng tin học trong giáo dục mầm non như Kismart, Nutrikids,... hướng dẫn sử dụng phần mềm Microsoft Powerpoint trong việc soạn thảo giáo án điện tử.... Trên cơ sở đó, sinh viên có thể ứng dụng công nghệ thông tin và khai thác các phần mềm tin học dành cho bậc học MN vào việc tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non.

6.55. GSR421N; Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (2 tín chỉ)

Học phần củng cố cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về các dạng hoạt động ở trường mầm non; về cách thiết kế, tổ chức các dạng hoạt động. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện cho sinh viên cách vận dụng những kiến thức vào thực tế chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, rèn kỹ năng xây dựng, thiết kế, tổ chức các dạng hoạt động khoa học, phù hợp, đạt hiệu quả cao.

6.56. TRA421N; Thực tập sư phạm 1 (2 tín chỉ)

Học phần củng cố cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về các hoạt động của giáo viên và trẻ ở trường mầm non; về cách xây dựng kế hoạch hoạt động cho nhóm lớp, cách tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục, quản lý trẻ ở các thời điểm trong ngày (từ lúc đón trẻ đến lúc trả trẻ); về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của trường mầm non trong giáo dục trẻ; về công tác quản lý nhóm/lớp của giáo viên mầm non. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản, ban đầu về công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, rèn kỹ năng phân tích, đánh giá hiệu quả tổ chức hoạt động của giáo viên mầm non, kỹ năng xây dựng, thiết kế và đánh giá một số dạng hoạt động ở trường mầm non.

6.57. TRA432N; Thực tập sư phạm 2 (3 tín chỉ)

Học phần hoàn thiện cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về các hoạt động của giáo viên và trẻ ở trường mầm non; về cách xây dựng kế hoạch hoạt động, cách tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục, quản lý trẻ ở các thời điểm trong ngày (từ lúc đón trẻ đến lúc trả trẻ), cách tổ chức các hoạt động có chủ đích, hoạt động vui chơi, hoạt động lễ hội. Trên cơ sở đó, học phần hoàn thiện cho sinh viên những kỹ năng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá hiệu quả tổ chức hoạt động của giáo viên mầm non, kỹ năng xây dựng, thiết kế và tổ chức các dạng hoạt động ở trường mầm non đảm bảo tính khoa học, phù hợp, đạt hiệu quả cao.

6.58. EGP421N; Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)

Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giáo dục giới tính cho trẻ lứa tuổi mầm non: Khái niệm về giới, giới tính, giáo dục giới tính; phân biệt nam và nữ; những dấu hiệu đặc trưng của giáo dục giới tính: Mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục giới tính và mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục giới tính cho trẻ mầm non; cách tổ chức thực hiện giáo dục giới tính cho trẻ mầm non thông qua các hoạt động. Trên cơ sở đó hình thành cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để tổ chức có hiệu quả hoạt động giáo dục giới tính theo hướng tích hợp cho trẻ mầm non.

6.59. EAH421N; Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)

Môn học giới thiệu những kiến thức cơ bản về sinh thái và môi trường, qua đó trang bị những kiến thức chung về giáo dục môi trường cho trẻ mầm non; hình thành các kỹ năng cơ bản thiết kế và tổ chức các hoạt động tích hợp giáo dục môi trường cho trẻ ở trường mầm non.

6.60. FPC421M; Hình thành kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)

Học phần hình thành kỹ năng tiền đọc, viết cho trẻ mầm non cung cấp cho người học những vấn đề lý luận cơ bản về việc hình thành kỹ năng tiền đọc, viết cho trẻ mầm non, các phương pháp, biện pháp, hình thức tổ chức hình thành kỹ năng tiền đọc, viết cho trẻ phù hợp với từng độ tuổi, từng địa phương, vùng miền. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện cho người học kỹ năng xây dựng, tổ chức các hoạt động hình thành kỹ năng tiền đọc, viết cho trẻ mầm non phù hợp, linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả.

6.61. PIB421M; Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)

Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non là môn tự chọn nằm trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần đề cập đến những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật như: Khái niệm, bản chất, tính tất yếu của giáo dục hòa nhập; các quan điểm tiếp cận trong giáo dục hòa nhập; thực trạng giáo dục hòa nhập hiện nay. Khái quát về trẻ khuyết tật; Quy trình giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật; Các vấn đề về dạy học hòa nhập: điều chỉnh trong dạy học hòa nhập trẻ khuyết tật, hợp tác nhóm trong giáo dục hòa nhập, thiết kế và tiến hành bài học hòa nhập có hiệu quả; Các biện pháp hỗ trợ các nhóm trẻ khuyết tật trong trường mầm non.

6.62. TOG971N; Khoá luận tốt nghiệp (7 tín chỉ)

Học phần hoàn thiện cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ở trường đại học sư phạm; về cách triển khai nghiên cứu một công trình phù hợp với ngành giáo dục mầm non, cách bảo vệ công trình nghiên cứu trước hội đồng sư phạm. Trên cơ sở đó, học phần hoàn thiện cho sinh viên những kỹ năng đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách khoa học, sáng tạo; phát triển

kỹ năng làm việc độc lập, chủ động; kỹ năng xây dựng, thiết kế và tổ chức các dạng hoạt động ở trường mầm non đảm bảo tính khoa học, phù hợp, đạt hiệu quả cao.

6.63. EWC921N; Tổ chức hoạt động khám phá - thử nghiệm cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)

Tổ chức hoạt động khám phá thử nghiệm cho trẻ mầm non là học phần nhằm trang bị và rèn luyện thêm cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết (kỹ năng thiết kế thí nghiệm, kỹ năng lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch) để tổ chức hiệu quả hoạt động khám phá môi trường xung quanh nói chung, hoạt động khám phá khoa học có sử dụng thí nghiệm đơn giản nói riêng cho trẻ ở trường mầm non.

6.64. MEC921N; Phương pháp đọc, kể diễn cảm (2 tín chỉ)

Phương pháp đọc, kể diễn cảm là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận về vai trò, sự ảnh hưởng của các tác phẩm văn học đối với trẻ thơ và nhu cầu, hứng thú tiếp nhận tác phẩm và kể lại chuyện của trẻ mầm non. Trên cơ sở đó, học phần giới thiệu những nguyên tắc, những phương pháp, hình thức hướng dẫn sinh viên đọc, kể diễn cảm; Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đọc, kể diễn cảm một cách thành thục và hiệu quả những tác phẩm dành cho lứa tuổi mầm non.

6.65. EPE931M; Đánh giá trong giáo dục mầm non (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng, quan điểm khoa học về công tác đánh giá trong giáo dục mầm non, trên cơ sở đó giúp sinh viên hình thành một số kỹ năng đánh giá hoạt động giáo dục; đánh giá trẻ; đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục, đánh giá giáo viên và đánh giá cơ sở giáo dục mầm non.

6.66. MOP931N; Quản lý giáo dục mầm non (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng, quan điểm khoa học về công tác quản lý giáo dục và quản lý giáo dục mầm non, trên cơ sở đó giúp sinh viên hình thành một số kỹ năng quản lý nhà trường, quản lý nhóm/lớp ở trường mầm non theo tiếp cận quan điểm quản lý sự thay đổi, quản lý môi trường văn hóa nhà trường để thực hiện mục tiêu giáo dục.

6.67. CID921M; Can thiệp sớm trẻ khuyết tật (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm can thiệp sớm, trẻ khuyết tật; những nguyên tắc cơ bản và ý nghĩa của can thiệp sớm; các dấu hiệu giúp phát hiện sớm trẻ khuyết tật; sự hình thành và phát triển công tác can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật; tổ chức công tác can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật; một số chương trình can thiệp sớm ở Việt Nam trên cơ sở đó, hình thành cho sinh viên kỹ năng xây dựng và thực hiện chương trình can thiệp sớm trẻ cho trẻ, cho đồng nghiệp, gia

đình và cộng đồng về công tác chăm sóc trẻ khuyết tật.

6.68. TMM921M; Kỹ thuật dạy học toán cho trẻ mầm non theo tiếp cận hiện đại (2tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật sử dụng các phần mềm, kỹ thuật tổ chức các trung tâm học tập, kỹ thuật dạy toán bằng tiếng Anh cho trẻ mầm non; trên cơ sở đó, hình thành cho sinh viên kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động nhằm hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non theo tiếp cận hiện đại.

6.69. MEM921M; Các phương pháp giáo dục hiện đại (2 tín chỉ)

Học phần giới thiệu cho sinh viên kiến thức nền tảng, quan điểm khoa học về các phương pháp giáo dục tiên tiến trên thế giới và thực hiện các phương pháp này ở một số cơ sở giáo dục mầm non chất lượng cao tại Việt nam đang áp dụng trong tổ chức chương trình giáo dục trẻ. Từ đó, tổ chức hình thành và phát triển cho sinh viên một số kỹ thuật sử dụng các phương pháp giáo dục hiện đại vào thiết kế và tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS Nguyễn Thị Tính

TRƯỞNG KHOA

TS. Trần Thị Minh Huệ